TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: 1414/2017/QĐST–HNGĐ	*B, ngày 07 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 2094/2017/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017, giữa;

*** Nguyên đơn: bà Nguyễn Lệ Q, sinh năm 1988**

Địa chỉ: 347/3, khu phố 8B, phường T, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: ông Nguyễn Quý L, sinh năm 1982**

Địa chỉ: 347/3, khu phố 8B, phường T, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

*** Nguyên đơn: bà Nguyễn Lệ Q, sinh năm 1988**

Địa chỉ: 347/3, khu phố 8B, phường T, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: ông Nguyễn Quý L, sinh năm 1982**

Địa chỉ: 347/3, khu phố 8B, phường T, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Lệ Q và ông Nguyễn Quý L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông bà có 02 con chung là Nguyễn Chiêu N sinh ngày 09/9/2014 và Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 20/7/2007, sau khi ly hôn giao hai cháu cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. hàng tháng ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung đối với cháu N là 5.000.000 đồng, cháu N1 là 5.000.000 đồng cho tới khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện cấp dưỡng số tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.
- Về án phí: bà Nguyễn Lệ Q tự nguyện nộp 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp tại biên lai thu tiền số 002937 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B. Hoàn trả cho bà Nguyễn Lệ Q 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền dư. Ông Nguyễn Quý L phải nộp 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm cho phần cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Thẩm phán

Lê Thị Ký

Nơi nhận:
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Đương sự;
- VKSND TP B;
- UBND phường H (Số 194/2006)
- TAT, VP.
- THADS TP. B